

Giải pháp ưu việt cho năng lượng mặt trời áp mái

SMR-STD620 & SMR-STD730

Kính kép hai mặt · N-Type TOPCon · Zero LID, Bảo hành hiệu suất 30 năm



Hai mặt kính - Tối ưu phần mái

Nhận thêm bức xạ; tăng tính thẩm mỹ mái, tối ưu diện tích sản xuất điện

Công suất đáp ứng thực tiễn

620W hoặc 730W lựa chọn theo tải mái, tối ưu bố trí hệ thống

N-type TOPCon - Phát điện cao

Khả năng phản xạ kép cao, tối đa lên đến 85%, hệ số nhiệt độ thấp suy giúp giảm sản lượng điện ít, duy trì hiệu suất phát điện cao hơn

ZeroLID- Suy giảm hiệu suất bằng 0

N-type không boron-oxy, với công nghệ khử hydro tuyệt vời, có thể đạt được độ suy giảm hiệu suất bằng không (**zero LID**), hiệu suất không thấp hơn 87,4% sau 30 năm

SAMURAI Tự Hào Thương Hiệu Việt

TRỤ SỞ CHÍNH · TP. HỒ CHÍ MINH

58 Raymondienne, Khu đô thị Phú Mỹ Hưng, Phường Tân Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh

CHI NHÁNH VINH- NGHỆ AN

16 Nguyễn Trãi, Thành phố Vinh, Nghệ An

CHI NHÁNH HÀ NỘI

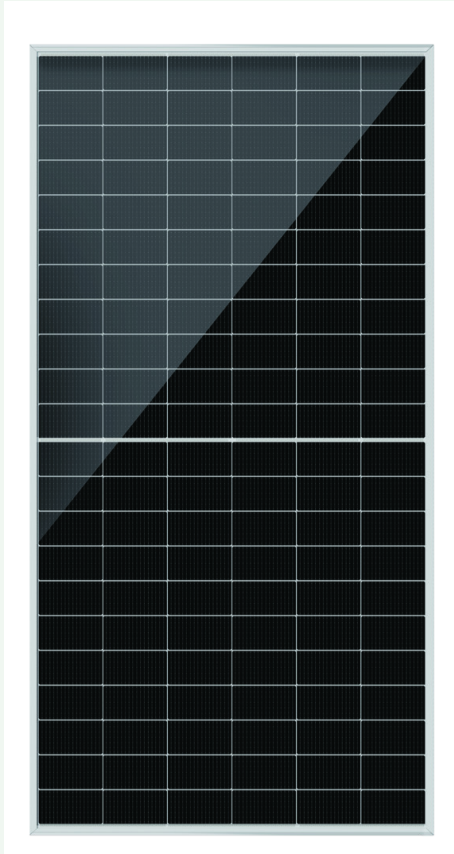
A2.10 BT120, Khu đô thị Thanh Hà, Xã Bình Minh, Hà Nội

LIÊN HỆ HOTLINE / ZALO ĐỂ ĐƯỢC TƯ VẤN, KHẢO SÁT MIỄN PHÍ

0898.60.3366

SMR-STD620 & SMR-STD730

KÍNH KÉP HAI MẶT · N-TYPE TOPCON · 132 CELL · ZERO LID HIỆU SUẤT SUY GIẢM =0

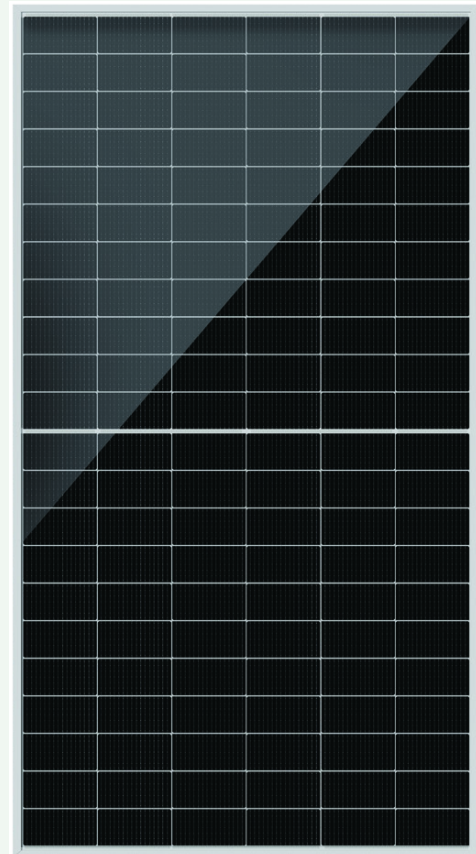


SMR-STD620

620 W

23,0%

2.382 × 1.134 × 30 mm · 32,4 kg



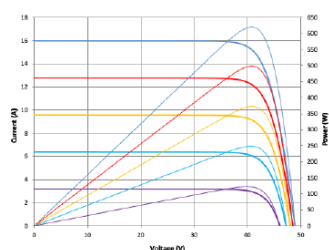
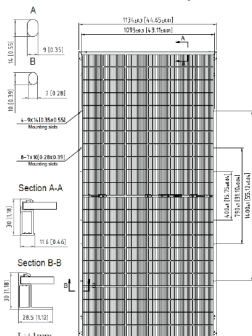
SMR-STD730

730 W

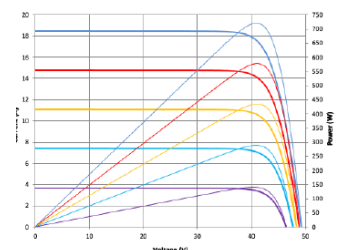
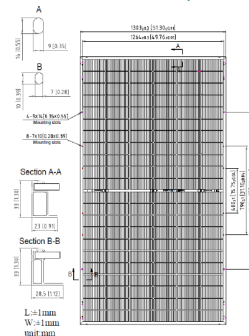
23,5%

2.384 × 1.303 × 33 mm · 38,5 kg

· BẢN VẼ & ĐỒ THỊ



· BẢN VẼ & ĐỒ THỊ





www.samuraisolar.com.vn

DATASHEET | SMR-STD620 / 730

TIÊU CHUẨN · SUPER T 2.0

SO SÁNH THÔNG SỐ KỸ THUẬT

620W

730W

Đặc tính điện / Electrical Characteristics (STC)

Công suất cực đại Pmax	620 W	730 W
Điện áp tại Pmax · Vmp	40,90 V	41,27 V
Dòng điện tại Pmax · Imp	15,16 A	17,70 A
Điện áp hở mạch · Voc	48,90 V	49,66 V
Dòng điện ngắn mạch · Isc	15,96 A	18,54 A
Hiệu suất mô-đun	23,0%	23,5%

STC: 1.000 W/m²; mô-đun 25°C; AM 1.5; dung sai phép đo ±3%.

Đặc tính điện / Electrical Characteristics (BNPI)

Công suất cực đại Pmax	683 W	804 W
Điện áp tại Pmax · Vmp	40,90 V	41,27 V
Dòng điện tại Pmax · Imp	16,69 A	19,48 A
Điện áp hở mạch · Voc	48,90 V	49,66 V
Dòng điện ngắn mạch · Isc	17,57 A	20,41 A

BNPI: mặt trước 1.000 W/m², mặt sau 135 W/m²; mô-đun 25°C; AM 1.5.

Cấu tạo vật lý / Product Specification

Số lượng cell	132 (bố trí 6×22)	132 (bố trí 6×22)
Kích thước	2.382×1.134×30 mm	2.384×1.303×33 mm
Khối lượng	32,4 kg	38,5 kg
Kính 2 mặt trước / sau	2,0 mm phủ lớp chống phản xạ/ 2,0mm gia cường nhiệt	
Hộp nối	IP68 rated · 3 bypass diodes	
Điện áp / cầu chì tối đa	1.500 V / 35 A	1.500 V / 35 A
Hệ số hai mặt tham chiếu	(80 ± 5)%	(80 ± 5)%
Khung tấm pin	Khung hợp kim Nhôm anod hóa (Anodized Alu)	
Nhiệt độ hoạt động T ₉₈	-40 đến +70°C	-40 đến +70°C

Hệ số nhiệt độ / Temperature Ratings (STC)

Pmax	-0,26%/°C	-0,26%/°C
Voc	-0,22%/°C	-0,22%/°C
Isc	+0,043%/°C	+0,043%/°C

CẤU TẠO & ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG

CHI TIẾT CƠ KHÍ

620 W

730 W

Cáp ra +/-	4,0 mm ² ; 300 mm	4,0 mm ² ; 300 mm
Đầu nối	STP-PV4xyz	STP-PV4xyz
Khung	Nhôm anode hóa	Nhôm anode hóa
Quy cách pallet	36 tấm; 1.220 kg	33 tấm; 1.260 kg
Số tấm / 40'HC	720	594
Kích thước pallet (mm)	2.396×1.120×1.260	1.320×1.130×2.500
Dung sai công suất	0 đến +3%	0 đến +3%

ĐỘ BỀN & ĐẶC TÍNH NỔI BẬT

- Công nghệ **N-Type TOPCon half-cut**, kính trước chống phản xạ **2,0 mm**, kính sau gia cường nhiệt **2,0 mm**; hộp nối IP68 với 3 diode bypass. Chiều dài cáp và kiểu đầu nối có thể tùy chỉnh theo đơn hàng.
- Tải thử tĩnh trước/sau 5.400 / 2.400 Pa.** Khả năng chống chịu theo hồ sơ: **IEC 61701 sương muối, IEC 62716 amoniac và IEC60068-2-68 bụi/cát.**
- 620 W:** cắt tế bào không phá hủy để giảm nguy cơ nứt ẩn/điểm nóng; zero LID-suy giảm hiệu suất có thể đạt bằng 0, chi phí điện năng quy đổi LOCE rất thấp và cải thiện chống PID theo hồ sơ kỹ thuật.
- 730 W:** phù hợp nhiều tracker; có thể hỗ trợ giảm BOS/LCOE tùy cấu hình hệ thống. Điều kiện cơ khí của tracker cần xác nhận riêng.

BẢO HÀNH & TIÊU CHUẨN HỆ THỐNG

Hồ sơ kỹ thuật nêu **15 năm bảo hành sản phẩm, 30 năm hiệu suất** tuyến tính; **suy giảm tối đa 1% năm đầu và 0,40%/năm tiếp theo, còn 87,4% ở năm 30.** Điều kiện pháp lý theo phiếu bảo hành Samurai Solar của lô hàng.

Các tiêu chuẩn hệ thống được hồ sơ cơ sở sản xuất nêu: **ISO 14001, ISO 45001, ISO 9001, SA 8000, IEC TS 62941**; không phải chứng nhận cấp riêng cho pháp nhân Samurai.

GHI CHÚ KỸ THUẬT

Các giá trị tuân theo EN 50380 và có thể điều chỉnh theo phiên bản xuất xưởng. Khác biệt màu sắc không ảnh hưởng chức năng không phải sai lệch thông số.

Mức hiệu suất tối đa của cả dải nguồn: 23,5% (dải 615–635 W) và 23,7% (dải 715–735 W); hai mã cụ thể đạt 23,0% và 23,5% tại STC.